

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 19-7-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Kim
- Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 01/7/2024 đối với bị cáo:

Trần Chí T, sinh năm 2002; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Hoàng K, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1963; Cùng cư trú: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; Bị cáo chưa có vợ.

- Tiền án: 01 (Bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” Theo bản án số 22/2022/HS-ST ngày 05/8/2022 (chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 05/02/2024).

- Tiền sự: không.

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/4/2024 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Bị hại: [Trần Hữu Â](#), sinh ngày 06/7/2006; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: [Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[Trần Văn H](#), sinh năm 1970; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: [Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

[Trần Thế D](#), sinh năm 1988; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: [số A khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre](#).

Người làm chứng:

[Trần Thị Ngọc H1](#), sinh năm 1998; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: [Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

[Huỳnh Thị R](#), sinh năm 1963; (có mặt)

Nơi cư trú: [Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 26/02/2024, [Trần Chí T](#) đi bộ đến nhà anh [Trần Hữu Â](#), sinh ngày 06/7/2006, cư trú: [ấp H, xã H, huyện M](#) để tìm tài sản lấy trộm bán tiêu xài cá nhân. Thấy cửa nhà sau không khóa, [T](#) đi từ nhà sau lên nhà trước thì thấy anh [Â](#) đang nằm ngủ trên võng và phía dưới võng có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh đang sạc pin. [T](#) lấy trộm điện thoại cất giấu trong người và đi về nhà. Khoảng 08 giờ cùng ngày, [T](#) đem điện thoại này đến cửa hàng điện thoại [Duy T1](#) của anh [Trần Thế D](#), cư trú: [số A T, khu phố B, Phường F, thành phố B](#) bán được số tiền 12.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 28/02/2024, ông [Trần Văn H](#) (cha anh [Â](#)) tìm [T](#) hỏi và [T](#) thừa nhận đã lấy trộm điện thoại; đồng thời [T](#) dẫn ông [H](#) đến [cửa hàng Đ](#) Trần chuộc lại điện thoại này với giá 12.000.000 đồng. Sau đó, ông [H](#) trình báo hành vi của [T](#) đến [Công an xã H, huyện M](#).

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 358686418049197, dung lượng 256GB (thuộc sở hữu của anh [Trần Hữu Â](#), đã trả).

- 01 áo khoác tay dài màu đen, có sọc viền tay áo màu trắng (thuộc sở hữu của [Trần Chí T](#), đã trả).

Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá [huyện M](#) kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 358686418049197, dung lượng 256GB, đã qua sử dụng, giá là 10.090.000 đồng.

Phần dân sự: [Trần Chí T](#) đã khắc phục hậu quả cho ông [Trần Văn H](#) số tiền 12.000.000 đồng để chuộc lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của anh [Trần Hữu A](#).

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSMCB, ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố bị cáo [Trần Chí T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo [Trần Chí T](#) từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an huyện M](#) đã trả tài sản cho:

- Anh [Trần Hữu A](#) 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 358686418049197, dung lượng 256GB (thuộc sở hữu của [A](#)).

- [Trần Chí T](#) 01 áo khoác tay dài màu đen, có sọc viền tay áo màu trắng (thuộc sở hữu của [T](#)).

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo [Trần Chí T](#) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của Viện kiểm sát nên không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện M](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân [huyện M](#), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo [Trần Chí T](#) thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích tư lợi bất chính nên khoảng 04 giờ ngày 26/02/2024 tại [ấp H, xã H, huyện M](#), [Trần Chí T](#) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, dung lượng 256GB của anh [Trần Hữu A](#), trị giá 10.090.000 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng số: 31/CT-VKS-MCB, ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố bị cáo [Trần Chí T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. “Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Khi thực hiện hành vi của mình bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mong muốn có được tài sản của người khác để tạo ra thu nhập cho mình nhưng không cần phải lao động nên vẫn cố ý thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản. Điều này đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo [Trần Chí T](#) đang có tiền án về tội Trộm cắp tài sản lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo [Trần Chí T](#). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo [Trần Chí T](#) có nhân thân xấu, bị cáo đã có tiền án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không biết cải sửa bản thân, tìm cho mình việc làm có thu nhập chân chính mà vẫn tiếp tục có suy nghĩ và hành động tìm tài sản của người khác để lấy và bán kiếm tiền tiêu xài. Những hành vi này của bị cáo chứng tỏ bị cáo không có ý thức chấp hành quy định của pháp luật, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện nay bị cáo [Trần Chí T](#) không có thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành án nên không áp dụng.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận đã trả cho:

- Anh [Trần Hữu Á](#) 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 358686418049197, dung lượng 256GB (thuộc sở hữu của [Á](#)).

- [Trần Chí T](#) 01 áo khoác tay dài màu đen, có sọc viền tay áo màu trắng (thuộc sở hữu của [T](#)).

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại [Trần Hữu Á](#) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

[11] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt là thỏa đáng và phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo [Trần Chí T](#) phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về trách nhiệm hình sự

[1.1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố: bị cáo [Trần Chí T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo [Trần Chí T](#) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

[1.3] Về áp dụng hình phạt bổ sung: không áp dụng.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho:

- Anh [Trần Hữu Á](#) 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, số IMEI: 358686418049197, dung lượng 256GB (thuộc sở hữu của [Á](#)).

- Bị cáo [Trần Chí T](#) 01 áo khoác tay dài màu đen, có sọc viền tay áo màu trắng (thuộc sở hữu của [T](#)).

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Trần Hữu Á](#) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo [Trần Chí T](#) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Công an huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Cao Thanh Minh

